TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-Bản án số: **91**/2017/HNGĐ-ST
-Ngày: 11/7/2017.
- *V/v: Tranh chấp xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Tài**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  + Ông: **Châu Vũ Bình**
  + Ông: **Nguyễn Trung Trực**
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: bà **Phạm Thị Kim Ngân** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa*: bà **Nguyễn Thị Phương Ngọc** kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2017 về việc "Tranh chấp xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2017/QĐST- HNGĐ ngày 01/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2017 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Ngọc Th, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: ấp TB, xã LBĐ, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Võ Văn H, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp TB, xã LBĐ, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Trương Ngọc Th trình bày: chị và anh H tự nguyện tìm hiểu, cưới nhau vào năm 1999 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã LBĐ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 20/3/2000. Sau khi cưới chị và anh H sống hạnh phúc cho đến năm 2002 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị

và anh H sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh H đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: chị và anh H có 01 con chung tên Võ Hoài B, sinh ngày 05/3/2000, hiện con đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

***** Bị đơn Võ Văn H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trương Ngọc Th và anh Võ Văn H tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã LBĐ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 20/3/2000 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay chị Th yêu cầu được ly hôn với anh H và chị có yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", do đương sự thường trú tại ấp TB, xã LBĐ, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét thấy, bị đơn Võ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ dự phiên họp, hòa giải, xét xử đến lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh H.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có cơ sở, bởi lẽ: chị và anh H cưới nhau trên cơ sở sự tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã LBĐ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 20/3/2000. Quá trình chung sống giữa chị Th và anh H không hạnh phúc nguyên nhân do chị và anh H tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Chị và anh H đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân đến nay, anh H và chị Th không hàn gắn được tình cảm vợ chồng cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Hơn nữa, từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, anh H được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập đến Tòa án trình bày ý kiến về việc chị Th xin ly hôn, dự phiên họp, hòa giải, xét xử nhưng

anh vẫn vắng mặt không đến, chứng tỏ anh H không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Th. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, cho chị Th được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: anh, chị có 01 con chung tên Võ Hoài B, sinh ngày 05/3/2000, hiện con đang sống với chị Th. Ly hôn, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Yêu cầu này của chị Th là có cơ sở chấp nhận vì con đã sống ổn định với chị, đã ổn định về nơi học tập, sinh hoạt, hơn nữa cháu Bcũng có nguyện vọng được sống với chị Th nên chấp nhận giao cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: do anh H vắng mặt, chị Th trình bày anh, chị không có nợ chung và tài sản chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: do chị Th là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu khởi nguyên đơn là có căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Ngọc Th.

- Về tình cảm: Chị Trương Ngọc Th được ly hôn với anh Võ Văn H.

- Về con chung: Chị Trương Ngọc Th được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Võ Hoài B, sinh ngày 05/3/2000; chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

+ Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

* **Về án phí**:

+ Chị Th phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 34931 ngày 21/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy chị Th đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Th được quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh H, tính từ ngày được Tòa án tống đạt hoặc niêm yết Bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tài

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã LBĐ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;